

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và ông Hoàng Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; *Có mặt*

- *Bị đơn:* Anh Doãn Tiến H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; *Vắng mặt lần thứ 2*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Doãn Tiến H đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, cho đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn vì lý do anh H không có trách nhiệm với gia đình; không lo tu chí làm ăn mà thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần, cầm cố tài sản và buộc chị nhiều lần phải trả nợ thay. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh H thay đổi cách sống để vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng đều không có kết quả, cho nên mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn vì anh H không có trách nhiệm gì với gia đình, con cái. Hiện tại, vợ chồng

đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2021 cho đến nay và không ai còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc nhau. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T khai nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Doãn Mạnh T, sinh ngày 10/9/2015. Hiện tại, con ở với chị và đang học lớp 1 tại trường tiểu học P. Vì vậy, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Phía bị đơn anh Doãn Tiến H:* Tại thời điểm nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị T đã gửi các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để thông báo cho anh H được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H để đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã phối hợp với Công an xã N tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh H và anh H đã ký nhận vào biên bản giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (BL:32) nhưng anh H vẫn vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà không có lý do. Xét thấy, vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì lý do bị đơn cố tình vắng mặt, cho nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa để thông báo cho anh H được biết để và làm căn cứ xét xử vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện về ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chị Phạm Thị T và anh Doãn Tiến H có đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (BL: 02). Vì vậy, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Về mâu thuẫn dẫn đến chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn thì theo trình bày của chị T, là do anh H ham mê cờ bạc, không chăm lo hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm

trọng không thể níu kéo. Đối với anh H, mặc dù biết chị T có yêu cầu ly hôn, nhưng vẫn cố tình trốn tránh đến Tòa án để giải quyết; đồng thời cũng không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T đã thể hiện thái độ bỏ mặc của anh H đối với hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự phai nhạt khó có thể hàn gắn, đời sống hôn nhân của các đương sự không còn tồn tại. Do đó yêu cầu của chị T được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 188 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình (BL: 06) và lời khai nhận của nguyên đơn đã có căn cứ xác định cháu Doãn Mạnh T, sinh ngày 10/9/2015 là con chung của các đương sự. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; còn anh H không có bất cứ ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn của chị T là phù hợp với lứa tuổi và nơi đang sinh sống, học tập của cháu T nên cần chấp nhận. Đồng thời ghi nhận ý kiến của chị T về việc không tuyên buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên thì sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu, anh H không có ý kiến gì, cho nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Doãn Tiến H.

2. Về nuôi con: Giao cháu Doãn Mạnh T, sinh ngày 10/9/2015 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận ý kiến của chị T về việc không buộc anh Doãn Tiến H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000655 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình. Đương sự đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/10/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật ./.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trách;
- Cục THADS huyện Bồ Trách;
- UBND xã N, huyện Bồ Trách;
- (GCNKH số 70, ngày 29/10/2014)
- Các đương sự;
- Niêm yết;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành